

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở ĐÀ NẴNG

TRAINING OF HUMAN RESOURCE SERVES DEVELOPMENT FOR SEA ECONOMY IN DANANG CITY

VÕ XUÂN TIẾN

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Đà Nẵng là thành phố có nhiều tiềm năng trong việc phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, tiềm năng kinh tế cũng như các thế mạnh của nó chỉ có thể khai thác được khi có nguồn nội lực đủ mạnh và đồng bộ. Đà Nẵng trong những năm vừa qua đã chú trọng nhiều đến việc đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực kinh tế biển, nhưng còn nhiều vấn đề bất cập trong việc đào tạo như ai đào tạo? Chừng chỉ đào tạo? Cách thức thực hiện như thế nào?... Bài báo này góp phần làm sáng tỏ vấn đề trên.

ABSTRACT

Danang is a city which has the potentials in developing for sea economy. However, the potentials for economy and the strength of its could only be explored when has strong internal power and consistence. In the last year, Danang focused training human resource for sea economy area but there are the problems in training, such as who are training? What certificate? How to train? This article helps to solve the above problems.

1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN Ở ĐÀ NẴNG

Với lợi thế của mình, Đà Nẵng phải trở thành một địa phương có kinh tế nói chung và kinh tế biển nói riêng rất phát triển. Kinh tế biển ở đây bao gồm các ngành sản xuất, dịch vụ liên quan đến biển và vùng ven biển. Theo yêu cầu của từng giai đoạn mà trình tự ưu tiên cũng như tốc độ tăng của các ngành này có khác nhau. Nhưng, trong những năm tới cần ưu tiên phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ liên quan đến biển như: du lịch, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, dịch vụ vận tải biển và cảng biển, khai thác và chế biến hải sản. Phân đầu để các ngành đó có tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ nay đến 2015 là 15 - 20%. Trong đó cần chú ý các ngành như du lịch dịch vụ phải có tốc độ tăng bình quân cùng kì là 20 - 25%; Ngành công nghiệp đóng tàu biển: 20 - 25%; dịch vụ vận tải biển: 15 - 20%; khai thác hải sản: 10 - 15%; chế biến hải sản 15 - 20%.

Cụ thể:

- Xây dựng nhiều cơ sở, phát triển thêm nhiều dịch vụ du lịch.

Với xu hướng phát triển thuận lợi của cung và cầu du lịch trên thế giới, cùng với những tiềm năng du lịch của nước ta thời gian tới, các chuyên gia của Tổng cục Du lịch đã dự báo tốc độ tăng của du khách đến Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010 là 15 - 20%. Qua phân tích số liệu của những năm qua cho thấy, số khách đến Đà Nẵng bao giờ cũng có tốc độ tăng cao hơn mức bình quân chung là 1,1 - 1,2 lần. Thêm vào đó, với những thuận lợi có được từ vị trí địa lí, môi trường cảnh quan của biển (một trong sáu biển đẹp nhất thế giới), sự thỏa thuận của Bộ Quốc phòng cho phép khai thác một phần bán đảo Sơn Trà vào mục đích du lịch, cho phép có thể cung ứng dịch vụ lặn biển, ... Từ đó, có thể đặt ra yêu cầu tốc độ tăng của du lịch là 20 - 25% cho khoảng thời gian từ nay đến 2015. Điều này cũng đồng nghĩa với yêu cầu cả số lượng và cơ cấu nguồn nhân lực phải có sự đổi mới đáng kể.

- Xây dựng cụm cảng Đà Nẵng thành cụm cảng lớn của cả nước và lớn nhất miền Trung, bao gồm cảng Tiên Sa, Liên Chiểu, Sông Hàn với lượng hàng dự kiến tối đa là 5,2 triệu tấn/năm. Cảng Liên Chiểu chỉ hình thành khi cảng Tiên Sa và cảng Sông Hàn đã phát huy hết công suất. Cảng Tiên Sa dùng cho cỡ tàu 40.000 DWT, có công suất khai thác từ 3,3 – 5,2 triệu tấn/năm. Riêng cảng Sông Hàn phục vụ cho tàu dưới 500. DWT, công suất khai thác khoảng 500.000 tấn/năm.

- Hình thành trung tâm nghề cá, xây dựng khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Thọ Quang.

- Nâng cấp và mở rộng các cơ sở chế biến. Phấn đấu đến năm 2010, Đà Nẵng xuất khẩu trên 18.000 ngàn tấn sản phẩm thủy sản.

- Tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ nghề cá. Phát triển đội tàu có công suất lớn...

2. NGUỒN NHÂN LỰC VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

Nguồn nhân lực là tổng thể những tiềm năng của con người (trước hết & cơ bản nhất là tiềm năng lao động), gồm: thể lực, trí lực, nhân cách của con người nhằm đáp ứng một cơ cấu kinh tế - xã hội nhất định.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn luôn là động lực thúc đẩy sự phát triển và tác động đến toàn bộ đời sống xã hội. Kinh nghiệm của nhiều nước công nghiệp hoá trước đây đã chỉ ra rằng phần lớn thành quả quá trình phát triển không phải là nhờ tăng vốn mà là nhờ những hoàn thiện trong năng lực của con người, sự tinh thông, bí quyết nghề nghiệp và quản lý. Khác với đầu tư cho các nguồn vốn phi con người, đầu tư cho phát triển con người là vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực và tác động đến đời sống của các cá nhân, gia đình, cộng đồng và đến toàn xã hội nói chung. Nhận định trên càng đúng trong điều kiện hiện nay, khi thế giới ngày càng quan tâm nhiều đến nền kinh tế tri thức. Nói cách khác, việc thành công trong tăng trưởng kinh tế không chỉ phụ thuộc vào nguồn tài nguyên, mà yếu tố ngày càng chiếm vị trí quan trọng là con người.

Không những vậy, tăng trưởng kinh tế (phản ánh qua tăng trưởng GDP), nếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên sẽ có giới hạn và không bền vững. Nguồn tài nguyên thiên nhiên luôn bị khống chế về mặt sinh thái. Hơn nữa giá trị nguyên liệu thô hoặc sản phẩm sơ chế thường là thấp hơn nhiều so với các sản phẩm cao cấp được chế biến bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến, nên khó có thể duy trì được sự liên tục tăng trưởng cao. Vì lẽ đó, nhiều nước quan tâm tới những sản phẩm mang lại giá trị gia tăng bằng đổi mới và phát triển công nghệ để có thể tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng chế biến cao. Cách này có hiệu quả và bền vững vì nó cho phép nâng cao hiệu ích sử dụng các nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, nó đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ, phẩm chất cao và phải bố trí thích hợp, đặc biệt là nguồn nhân lực đã qua đào tạo và cán bộ có trình độ bậc cao. Không phải ngẫu nhiên mà người ta cho rằng, tri thức là nguồn tài nguyên đặc biệt và quý giá nhất trong mọi tài nguyên. Ưu điểm của nó là nằm ngay trong bản thân con người, không bị giới hạn như các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Nếu biết sử dụng hợp lý, biết quý trọng thì nó sẽ ngày càng nảy nở, phát triển và phong phú hơn. Ngược lại, nếu không biết khai thác, phát huy thì nó sẽ mai một theo thời gian. Tài nguyên tri thức tập trung nhiều ở đội ngũ cán bộ KH & CN, và rất cần cán bộ ở những lĩnh vực mới đi vào khai thác.

Không một hoạt động nào của tổ chức, của xã hội mang lại hiệu quả nếu thiếu nguồn nhân lực. Sự phát triển của nguồn nhân lực luôn là nguyên nhân của thành công hay thất bại trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh cũng như phát triển xã hội nói chung và khai thác

các tiềm năng tự nhiên nói riêng. Mục tiêu cơ bản của bất kì tổ chức nào cũng là sử dụng một cách có hiệu quả nguồn nhân lực để đạt được mục đích của tổ chức đó.

Nhiều nhà khoa học cho rằng, cuộc chạy đua vào thế kỷ 21 phụ thuộc phần lớn vào chính sách khai thác vốn con người và tiến hành cuộc cách mạng về giáo dục và đào tạo. Ngoài những nhận định trên, một điểm đặc biệt chú ý, từ những năm 90, các quốc gia có tiềm năng về kinh tế biển đã chứng minh được rằng: một nước nghèo cũng có thể phát triển được, miễn là biết khai thác nó, biết đầu tư đầy đủ cho nguồn nhân lực phục vụ các ngành khai thác biển.

Trong tất cả các yếu tố của nền kinh tế - xã hội, thì con người luôn là yếu tố động, mang tính đột phá cho sự phát triển. **Vì lẽ đó, đào tạo và đi theo nó là một chương trình có nội dung chọn lọc, cơ cấu ngành nghề, cấp bậc phù hợp là yêu cầu không thể thiếu để phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng.**

3. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN

3.1. Kết quả đào tạo của các trường trên địa bàn Đà Nẵng thời gian qua

Những năm gần đây, để đáp ứng với nhu cầu phát triển ngày càng tăng của thành phố Đà Nẵng nói riêng và các tỉnh miền Trung nói chung, quy mô đào tạo của các trường tăng lên với tốc độ nhanh chóng (trung bình từ 10 - 12% /năm), nội dung đào tạo theo đó cũng có sự thay đổi sâu sắc theo hướng nâng cao chất lượng và bám sát nhu cầu thực tiễn. Cơ cấu ngành nghề và quy trình đào tạo cũng có một sự thay đổi cơ bản đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao, đa dạng và xu thế đổi mới của xã hội.

Về ngành nghề, các trường đã mạnh dạn và nhanh chóng chuyển hướng, tiến hành đào tạo những ngành mà nền kinh tế có nhu cầu lớn, như Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh Du lịch; Ngân hàng, Tin học, cơ - tin, Cơ khí giao thông, xây dựng cầu đường, Sinh môi trường...

Theo nhận xét của các nhà quản lí, các nhà sử dụng nguồn nhân lực ở miền Trung nói chung và Đà Nẵng nói riêng, sản phẩm đào tạo của các trường cơ bản là đáp ứng được yêu cầu và nhanh chóng phát huy tác dụng trong thực tế. Khảo sát tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn cho thấy, khoảng 65 - 75% số cán bộ khoa học công nghệ làm việc tại đây là học sinh do các trường ở Đà Nẵng đào tạo.

Tới năm 2006, các trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã có quy mô tuyển sinh khoảng 12.000 – 14.000 học sinh, với các loại hình tập trung chính quy và tại chức.

Tuy nhiên, điều đáng nói, qui mô và cơ cấu đào tạo trên chủ yếu vẫn theo kiểu truyền thống, **chưa có cơ sở đào tạo nào thật sự chú ý đến nhu cầu phát triển kinh tế biển.**

3.2. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của phát triển kinh tế biển

a. Về quy mô và loại hình nhân lực

Để đáp ứng nhu cầu nhân lực như đã nêu, chúng ta cần căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế biển trong quy hoạch tổng thể của thành phố. Do có tính đặc thù về nhân lực của mỗi lĩnh vực công việc, nên cần có những dự đoán riêng cho các lĩnh vực đó. Ở đây tạm chia nguồn nhân lực cho các nhóm nhu cầu sau:

- Nhóm 1 - vận tải biển và cảng biển

Nhóm này cần nguồn nhân lực phục vụ cho các công việc sau:

+ Nhân lực các loại với cơ cấu cần thiết phục vụ cho hệ thống cảng: Cảng Đà Nẵng, Tiên sa, Sông hàn, Liên Chiểu, Quân khu Năm, Mĩ Khê. Nhân lực ở đây phải đủ để đáp ứng các loại công việc: Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa, Kinh doanh vận tải đường biển, Kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu cập cảng, Kinh doanh cung ứng xăng dầu, Kinh doanh sửa chữa công trình vừa và nhỏ.

+ Nhân lực phục vụ các ngành công nghiệp liên quan đến cảng như công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền,...

Xét về cơ cấu, nguồn nhân lực làm việc tại các cảng ở Đà Nẵng những năm gần đây đa số lao động là lao động phổ thông (thường chiếm gần 85% tổng số). Còn lao động từ trung cấp trở lên, thường chiếm 15%. Nếu phân theo quan hệ với quá trình sản xuất, thì lao động quản lý thường chiếm trên 11%, nhân viên phục vụ chiếm trên 30%, còn công nhân trực tiếp thường chiếm 57 – 58%. Trong tương lai, cơ cấu trên phải được thay đổi, bởi lẽ hoạt động của một cảng tiên tiến cần có một đội ngũ những người lao động có tay nghề cao, qua đào tạo, tinh thông kỹ thuật. Từ đây đặt ra vấn đề: một trường đại học có các chuyên ngành phục vụ kinh tế biển chưa đặt ra tính cấp thiết với Đà Nẵng, nhưng một trường cao đẳng và dạy nghề có các chuyên ngành phục vụ các hoạt động sản xuất, dịch vụ liên quan đến biển là hết sức cần thiết.

- Nhóm 2 - cung cấp các dịch vụ cho các hoạt động sản xuất, khai thác trên biển, như:

- + Dịch vụ vận tải
- + Dịch vụ tài chính
- + Dịch vụ ngân hàng
- + Dịch vụ hải quan, bưu điện
- + Dịch vụ hậu cần nghề cá

...

Đối với các ngành dịch vụ, phải có tốc độ tăng nhanh hơn các ngành kinh tế sản xuất. Hơn thế nữa, với Đà Nẵng đã xác định, từ năm 2015 trở đi (đặc biệt là từ 2020), các ngành dịch vụ sẽ được ưu tiên phát triển hơn cả. Nhu cầu này càng lớn hơn khi mà Việt nam đã là thành viên WTO và Tuyên hành lang Kinh tế Đông Tây đã đi vào hoạt động. Do vậy, nếu những năm trước đây nhu cầu các loại trên tăng khoảng 10% mỗi năm, thì sắp tới con số đó phải từ 13 -15%.

- Nhóm 3 - Dịch vụ du lịch biển và ven biển

Theo Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 của UBND thành phố Đà Nẵng nhấn mạnh: Phải đẩy mạnh phát triển du lịch với tốc độ cao, có tính đột phá, xây dựng du lịch thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế thành phố. Cũng theo Quyết định này, thì định hướng phát triển là phải xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm du lịch biển kết hợp với du lịch khác, đa dạng hóa các loại hình du lịch, đặc biệt là nghỉ dưỡng và tắm biển, coi trọng cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, ... Phân đấu đến năm 2010, thu hút 1,7 triệu lượt khách, trong đó 0,75 triệu là khách quốc tế. Về tổng thu nhập, cố gắng đạt 1.500 tỷ đồng.

Thực hiện chủ trương đó, việc chuẩn bị nhân lực cho loại dịch vụ này đã được chú ý, vì chất lượng lao động của ngành có ảnh hưởng trực tiếp chất lượng dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, cho đến nay, lao động ngành du lịch vẫn còn nhiều bất cập. Số lao động lớn tuổi vừa nhiều vừa chưa qua đào tạo cơ bản, chưa đủ vốn ngoại ngữ cần thiết. Số lao động có trình độ trung cấp và sơ cấp nghề chiếm đến 72% tổng số lao động trực tiếp của ngành. Trong khi đó, người làm du lịch hiện nay ngoài nghiệp vụ chuyên môn cần thiết còn phải có ngoại ngữ ở mức độ nhất định. Không dừng lại ở đó, họ cần hiểu biết thêm về kỹ năng ứng xử, giao tiếp, thuyết phục khách hàng. Từ đó cho thấy tính cấp thiết của đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong ngành du lịch. Sơ bộ chỉ tính riêng nhu cầu nhân lực trong các khách sạn đến năm 2010 đã cần đến 13.500 người. (vì, dự báo số lượng phòng của các khách sạn năm 2010 là xấp xỉ 9.000 phòng. Theo định mức, cần 1,5 lao động/1phòng).

- Nhóm 4 - khai thác nguồn lợi thủy sản

Ở nhóm ngành nghề này có các công việc cụ thể như:

+ Nhân lực phục vụ khai thác

Đáng chú ý, phương thức khai thác, đánh bắt đã có những thay đổi đáng kể. Những năm tới, qui mô khai thác cũng tăng nhanh (khoảng 60.000 tấn năm 1010), hướng ưu tiên là đánh bắt xa bờ bằng các phương tiện có công suất lớn. Đội tàu dự kiến sẽ có số lượng trên 2100 chiếc.

+ Qui mô nuôi trồng tăng (15.000 ha năm 2010) và cần đưa kĩ thuật mới vào quá trình này để bảo đảm yếu tố bền vững của môi trường.

- Nhóm 5 - ngành công nghiệp chế biến sản phẩm từ biển

Sẽ có hàng chục cơ sở tham gia vào dịch vụ này. Phân đầu đến năm 2010 có 18.000 tấn sản phẩm xuất khẩu. Muốn vậy, nguồn nhân lực ở đây cũng phải được gia tăng đáng kể.

Theo tính toán của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đến năm **2010** nhu cầu của các nhóm ngành trên như sau: lao động trong nhóm đóng và sửa chữa tàu thuyền cần 5.500 người, và lao động phục vụ ở cảng cần 1.200 người; các hoạt động dịch vụ cần 1.300 người; phục vụ du lịch cần 13.500 người; lao động phục vụ việc đánh bắt cần 10.500 người, lao động nuôi trồng cần 1.400 người; và hoạt động chế biến cần 6.000 người.

Tất nhiên, số liệu trên chỉ mới đưa ra một cách khái quát. Việc tính toán cụ thể cần dựa vào tiêu chuẩn, đặc tính công việc của mỗi nhóm.

b. Về cơ cấu ngành nghề đào tạo.

Các ngành kinh tế biển đòi hỏi nguồn nhân lực phải đáp ứng không chỉ quy mô mà cả cơ cấu ngành nghề. Thêm vào đó, ở đây lao động làm việc trong các khu công nghiệp lớn, tập trung, trong khu vực đô thị, khu vực dân cư với một nhu cầu toàn diện về tất cả mọi mặt của một xã hội thu nhỏ. Chưa hết, đây vừa là khu công nghiệp sản xuất, dịch vụ có tính đặc thù, vừa có sản xuất, kinh doanh, vận chuyển sản phẩm, vừa cung cấp dịch vụ. Các sản phẩm, dịch vụ này một phần phục vụ trong nước, vừa có thể phục vụ cho xuất khẩu, phục vụ người nước ngoài đang hoạt động, nghỉ ngơi trên biển Đà Nẵng. Do vậy việc đào tạo ở đây, phải vừa cung cấp một cách đầy đủ phong phú các loại lao động (kể cả lao động quản lí) vừa phải cung cấp những lao động phục vụ cho những công việc mang tính đặc thù, chất lượng cao. Từ đó ta thấy, các ngành kinh tế biển cần rất nhiều loại ngành nghề chuyên môn, cấp bậc trình độ khác nhau. Ngoài những ngành truyền thống mà các trường trên địa bàn hiện đang đào tạo như: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Thương mại, Du lịch, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Thống kê tin học, Kinh tế phát triển, Kinh tế và quản lí công, Kinh tế lao động, Marketing (ở Trường ĐH Kinh tế), Cơ khí chế tạo, điện kĩ thuật, Điện tử viễn thông, xây dựng Cầu – Đường, Cơ khí động lực, Công nghệ chế biến dầu khí (ở Trường ĐH Bách khoa), ... thì việc mở thêm các ngành mới là yêu cầu cấp thiết cho các hoạt động hàng hải, như: Bảo hiểm, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế biển, Kinh tế bưu chính viễn thông, Điều khiển tàu biển, Khai thác máy tàu biển, Đóng tàu, Máy xếp dỡ, Xây dựng công trình thủy và thềm lục địa, Kỹ thuật môi trường, ... Hoặc các ngành phục vụ hoạt động thủy sản, như: Kinh tế thủy sản, Công nghệ sinh học thực phẩm, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Quản lí môi trường và nguồn lợi thủy sản, Bệnh học thủy sản, ...

Trong các ngành nghề nêu trên, có nhiều ngành các trường trên địa bàn đang đào tạo. Nhưng có ngành không nhất thiết phải đào tạo tại Đà Nẵng. Nói cách khác, sẽ có một số ngành rất cần cho chiến lược phát triển kinh tế biển, nhưng các trường không nên đặt ra vấn đề đào tạo do nhu cầu không lớn, mang nặng tính đặc thù và điều kiện của các trường còn thiếu, như: Máy xếp dỡ, Xây dựng công trình thủy và thềm lục địa, ... Song cũng có những ngành, do yêu cầu bức thiết của kinh tế biển, cộng với khả năng và điều kiện hiện có, các trường cần đẩy

nhanh hơn nữa quá trình chuẩn bị để sớm phục vụ kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế biển cũng như đòi hỏi của vùng. Đó là các ngành như: Bảo hiểm, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế biển, Kinh tế bưu chính viễn thông, Điều khiển tàu biển, Khai thác máy tàu biển, Đóng tàu,...

c. Về trình độ, loại hình đào tạo

Cũng như các ngành kinh tế khác, kinh tế biển cần có một đội ngũ cán bộ có chất lượng cao, đồng bộ với cơ cấu hợp lý. Để đáp ứng yêu cầu này, các trường trên địa bàn một mặt phải phấn đấu để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, giúp cho học sinh lúc ra trường vừa có kiến thức cơ bản thích hợp với thị trường sức lao động hiện nay vừa có kiến thức chuyên môn sâu để có thể nhanh chóng làm quen với công việc. Mặt khác phải từng bước nâng cấp đào tạo (thạc sĩ, tiến sĩ), nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Không những vậy, việc đào tạo nghề, đào tạo bậc trung cấp, cao đẳng như đã phân tích ở trên cũng phải hết sức chú ý.

Do đặc điểm của các loại nhu cầu nhân lực, Đà Nẵng là một địa bàn có mật độ dân cư đông, có sức thu hút nhân lực từ nơi khác đến và nhu cầu tại chỗ tương đối lớn, vì vậy bên cạnh việc mở rộng hệ đào tạo chính quy, việc giải quyết nhu cầu bởi hệ đào tạo vừa học vừa làm – không chính quy và bồi dưỡng bổ sung kiến thức theo chuyên đề có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Loại hình này vừa giúp cho nhiều người đang làm việc vẫn có thể tham gia học Đại học vừa góp phần tăng hiệu quả của quá trình đào tạo.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN ĐÀ NẴNG

Trong những năm đến, định hướng phát triển nguồn nhân lực cần chú ý:

- Bên cạnh việc mở thêm một số trường đại học, cao đẳng có các chuyên ngành đào tạo nói ở trên, cần tăng quy mô tuyển sinh ở những ngành liên quan đến kinh tế biển.

- Thứ hai phải mở thêm ngành nghề, cấp bậc đào tạo đối với những chuyên ngành liên quan đến kinh tế biển như đã nói ở trên.

- Thứ ba, chú ý đến loại hình đào tạo tại chức, tại chỗ.

- Thứ tư, để tạo nguồn kinh phí phục vụ cho quá trình đào tạo, cần làm tốt việc huy động vốn trong dân thông qua các hình thức xã hội hóa giáo dục. Tuy nhiên, nguồn ngân sách chủ yếu vẫn là từ nhà nước. Vì vậy, chính quyền các cấp vẫn phải quyết tâm phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển thông qua việc ưu tiên nguồn vốn cho hoạt động này.

Để giải quyết những vấn đề trên đây cần tiến hành các biện pháp một cách đồng bộ.

- Đẩy mạnh việc tăng cường đội ngũ cán bộ giảng dạy cho trường từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt chú ý tới những ngành mới. Công tác này cần chú ý từ khâu tuyển chọn, bồi dưỡng và sử dụng. Những năm gần đây công tác này chưa được chú ý một cách thỏa đáng (đặc biệt trong khâu tuyển chọn và bồi dưỡng), do đó khi quy mô đào tạo được mở rộng, đã gặp không ít khó khăn về vấn đề cán bộ.

- Thường xuyên hoàn thiện và đổi mới chương trình đào tạo nhằm phù hợp với yêu cầu và xu thế phát triển của xã hội. Nội dung đào tạo phải mang đầy đủ tính thực tiễn, khoa học và hiện đại. Cố gắng trang bị cho sinh viên những kiến thức mà nền kinh tế đang cần, xã hội đang cần, chứ không trang bị những gì mà trường sẵn có.

- Để đáp ứng kịp thời nhu cầu cán bộ phát triển kinh tế biển, trường có thể thay đổi, bổ sung một phần chương trình đào tạo (trong điều kiện cho phép) phù hợp với đặc thù của khu công nghiệp, như trang bị thêm cho sinh viên kiến thức về Đầu tư, Ngoại thương...

- Tăng cường, hoàn thiện hơn nữa hệ thống cơ sở vật chất hiện có của trường.

Để có thể mở rộng quy mô đào tạo, trường cần thiết phải tăng cường, hoàn thiện hơn nữa hệ thống cơ sở vật chất hiện có, trước hết là hệ thống phòng học, thư viện, kí túc xá. Hệ thống các điều kiện, phương tiện phục vụ trực tiếp cho dạy và học cũng cần thiết được nâng cấp và hoàn thiện như hệ thống máy tính, giáo trình tài liệu tham khảo...

Đẩy mạnh các mối quan hệ giao lưu hợp tác với các trường khác ở trong nước và trên thế giới để nhanh chóng bổ túc kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, đặng nhanh chóng theo kịp các nước khác trong khu vực và trên thế giới.

Giải quyết tốt các vấn đề nêu trên chính là góp phần thúc đẩy sự ra đời và phát triển kinh tế biển ở Đà Nẵng, một nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy thành phố Đà Nẵng phát triển mạnh mang tính bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo Thực trạng Lao động việc làm ở Việt Nam (1997 – 2000), Bộ Lao động TB & XH.
- [2] Báo cáo hàng năm của Sở Nội vụ
- [3] Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, *Số liệu thống kê lao động - việc làm ở Việt Nam 1996 - 2000*. NXB Thống kê Hà Nội, 2001.
- [4] Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, *Hệ thống quan sát lao động, việc làm và nguồn nhân lực ở Việt Nam*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội 1999.
- [5] CHRISTIAN BATAL, *Quản lí nguồn nhân lực trong khu vực nhà nước*, NXB Chính trị Quốc gia, 2002.
- [6] Chương trình hành động của Thành ủy ĐN để thực hiện Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị.
- [7] JOSEPH E.STIGLITZ, *Kinh tế học công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1995.
- [8] Thành Ủy Đà Nẵng: *Tài liệu triển khai thực hiện Nghị quyết 33 _ NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá X)*, NXB Đà Nẵng, Tháng 9 - 2004.
- [9] UBND Thành phố Đà Nẵng: *Báo cáo Tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Đà Nẵng thời kì 2001 - 2010*.